

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 900/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Bà Phạm Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/- Ông Nguyễn Thành Vinh

2/- Bà Nguyễn Thị Quý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim H – sinh năm: 1984

Thường trú: 01 đường A, khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: 175/65 đường L, khu phố P, phường K, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*2/ Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh S – sinh năm: 1983

Thường trú: 132 đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: 942/1 đường M, khu phố R, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tranh tụng tại Tòa bà Phạm Thị Kim H là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh S tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi lập gia đình cả hai sống chung bên gia đình ông S, sau đó ra sống tự lập nhưng sống chung bên gia đình của bà, theo bà cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nên vào năm 2012 bà và ông S đã thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. Đến năm 2014 cả hai về chung sống trở lại và đến Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống sau khi đăng ký kết hôn hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn, ông S thiếu trách nhiệm với gia đình từ đó dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc và kể từ đầu năm 2019 cho đến nay đôi bên sống ly thân. Thời gian ly thân đôi bên có tạo điều kiện hàn gắn để đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy tình cảm không còn nên bà có đơn khởi kiện xin được ly hôn. Tại Tòa bà xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được khả năng đoàn tụ sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó bà yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh S.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H1 – sinh ngày 23/01/2006 và Nguyễn Minh T – sinh ngày 21/6/2014. Hiện tại bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, việc cấp dưỡng nuôi con bà tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa ông Nguyễn Minh S là bị đơn trình bày: Giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như lời trình bày của bà Phạm Thị Kim H. Sau khi lập gia đình đôi bên sống tự lập, gần bên gia đình của bà H, theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân đúng như lời trình bày của bà H, đôi bên đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Thời gian ly thân hai bên có tạo điều kiện để hàn gắn nhưng bà H không đồng ý. Tại Tòa ông xác định tình cảm vẫn còn ông không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ gia đình, ông yêu cầu Tòa án cho thêm thời gian để tạo điều kiện hàn gắn nếu thời gian tới mà đôi bên không tạo được điều kiện đoàn tụ gia đình, ông sẽ không đến Tòa và xin được vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H1 – sinh ngày 23/01/2006 và Nguyễn Minh T – sinh ngày 21/6/2014. Hiện các con chung

đang sống với bà H. Giả sử phải ly hôn ông đồng ý giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên Tòa bà H xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông S vắng mặt và có đơn xin được vắng mặt tham gia tố tụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Bà Phạm Thị Kim H và ông Nguyễn Minh S tự nguyện kết hôn vào năm 2014 có hỏi cưới và có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số: 34 quyển số 01/2014 ngày 26/3/2014 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp là cơ sở xác định hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Hiện tại ông S đang sinh sống và cư trú tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, bà H là một bên đương sự, có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Phạm Thị Kim H và ông Nguyễn Minh S tự nguyện kết hôn vào năm

2014, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đôi bên bắt đầu quan điểm sống, kinh tế khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, do đó bà H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của bà H, Tòa án đã triệu tập ông S nhiều lần để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do. Ngày 02/7/2020 ông S đến Tòa án và xin được hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ gia đình, ông đề nghị Tòa án tạm hoãn thêm thời gian để tạo điều kiện hàn gắn nếu thời gian tới mà đôi bên không tạo được điều kiện đoàn tụ gia đình, ông sẽ không đến Tòa và xin được vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên thời gian qua theo lời trình bày của bà H tại phiên tòa hôm nay thì vợ chồng vẫn sống ly thân ông S không có về nhà thăm con để tạo điều kiện đoàn tụ gia đình, ông S chỉ nhắn tin qua điện thoại, điều này cho thấy ông S không quan tâm đến yêu cầu xin ly hôn của bà H, trong quá trình sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đôi bên đã một lần thuận tình ly hôn sau đó hàn gắn trở lại, nhưng cuộc sống chung vẫn không mang lại hạnh phúc, xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, và hiện tại đôi bên đã sống ly thân, do đó việc bà H có đơn yêu cầu được ly hôn với ông S là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc xin đoàn tụ gia đình của ông S là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H1 – sinh ngày 23/01/2006 và Nguyễn Minh T – sinh ngày 21/6/2014. Sau khi ly hôn ông S đồng ý giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của bà H và theo ý kiến nguyện vọng của con chung là hợp lý và phù hợp với điều kiện thực tế vì hiện nay các con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà H tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015, bà Phạm Thị Kim H phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị Kim H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056832 ngày 13/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Phạm Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Kim H với ông Nguyễn Minh S.

b-/ Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H1 – sinh ngày 23/01/2006 và Nguyễn Minh T – sinh ngày 21/6/2014 cho bà Phạm Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà Phạm Thị Kim H tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Phạm Thị Kim H phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị Kim H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056832 ngày 13/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Phạm Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường C,  
Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Thị Thu**